Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 0301.99.19

Mã HS	0301.99.19
Mô tả hàng hóa	Cá sống / - Cá sống khác: / - - Loại khác: / - - - Cá bột của cá măng biển và của cá mú: / - - - - Loại khác
Đơn vị	kg/con
Thời điểm tạo	02/11/2026 04:39:29
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/03019919/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	30	30%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K270
Thuế NK ưu đãi (MFN)	20	20%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N270
Thuế GTGT (VAT)	*/5/8/10	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q270
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-05-31	BT2026!CJ270
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-KH, KR)	0% (trừ KH, KR)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	4	4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	11.4	11,4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E262
ATIGA	2022	2022	0	AT!E263
ATIGA	2023	2023	0	AT!F263
ATIGA	2024	2024	0	AT!G263
ATIGA	2025	2025	0	AT!H263
ATIGA	2026	2026	0	AT!I263
ATIGA	2027	2027	0	AT!J263
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	2	AJ!E265
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F265

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G265
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H265
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I265
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J265
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	4	VJ!E263
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	2	VJ!F263
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G263
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H263
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I263
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J263
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F263
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H262
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F265
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G265
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H265
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I265
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J265
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K265
VKFTA	2022	2022	0	VK!E263
VKFTA	2023	2023	0	VK!F263
VKFTA	2024	2024	0	VK!G263
VKFTA	2025	2025	0	VK!H263
VKFTA	2026	2026	0	VK!I263
VKFTA	2027	2027	0	VK!J263
VCFTA	2022	2022	4	VC!D264
VCFTA	2023	2023	2	VC!E264

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F264
VCFTA	2025	2025	0	VC!G264
VCFTA	2026	2026	0	VC!H264
VCFTA	2027	2027	0	VC!I264
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D265
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E265
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F265
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G265
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H265
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I265
AHKFTA	2022	2022	12	AKH!D264
AHKFTA	2023	2023	8	AKH!E264
AHKFTA	2024	2024	8	AKH!F264
AHKFTA	2025	2025	4	AKH!G264
AHKFTA	2026	2026	4	AKH!H264
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I264
EVFTA	2022	2022	5	EV-NK!D262
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E262
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F262
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G262
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H262
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I262
UKVFTA	2022	2022	5	UKV!D264
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E264
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F264
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G264

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H264
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I264
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D264
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E264
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F264
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G264
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H264
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I264
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J264
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D263
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E263
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F263
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G263
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H263
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I263
RCEP B	2022	2022	0	B!D263
RCEP B	2023	2023	0	B!E263
RCEP B	2024	2024	0	B!F263
RCEP B	2025	2025	0	B!G263
RCEP B	2026	2026	0	B!H263
RCEP B	2027	2027	0	B!I263
RCEP C	2022	2022	0	C!D263
RCEP C	2023	2023	0	C!E263
RCEP C	2024	2024	0	C!F263
RCEP C	2025	2025	0	C!G263
RCEP C	2026	2026	0	C!H263

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I263
RCEP D	2022	2022	0	D!D263
RCEP D	2023	2023	0	D!E263
RCEP D	2024	2024	0	D!F263
RCEP D	2025	2025	0	D!G263
RCEP D	2026	2026	0	D!H263
RCEP D	2027	2027	0	D!I263
RCEP E	2022	2022	0	E!D263
RCEP E	2023	2023	0	E!E263
RCEP E	2024	2024	0	E!F263
RCEP E	2025	2025	0	E!G263
RCEP E	2026	2026	0	E!H263
RCEP E	2027	2027	0	E!I263
RCEP F	2022	2022	0	F!D263
RCEP F	2023	2023	0	F!E263
RCEP F	2024	2024	0	F!F263
RCEP F	2025	2025	0	F!G263
RCEP F	2026	2026	0	F!H263
RCEP F	2027	2027	0	F!I263
VIFTA	2024	2024	17.1	VI!F247
VIFTA	2025	2025	14.3	VI!G247
VIFTA	2026	2026	11.4	VI!H247
VIFTA	2027	2027	8.6	VI!I247

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-003	YELLOW	Kiểm dịch	Chính sách mặt hàng: Động vật, sản phẩm động vật thủy sản phải kiểm dịch (01/2024/TT-BNNPTNT M5)		01/2024/TT-BNNPTNT	Đăng ký kiểm dịch động/thực vật theo quy định.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-003	YELLOW	Kiểm dịch	Chính sách mặt hàng: Động vật, sản phẩm động vật thủy sản phải kiểm dịch (01/2024/TT-BNNPTNT M5)*		01/2024/TT-BNNPTNT	Đăng ký kiểm dịch động/thực vật theo quy định.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	Hàng hóa được nhập khẩu dưới hình thức mua bán, trao đổi của cư dân biên giới (42/2019/TT-BCT & 34/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 34/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	Loài thủy sản XK có ĐK (01/2024/TT-BNNPTNT M7)		01/2024/TT-BNNPTNT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 0301.99 có 17 dòng thuế; dòng 0301.99.19 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	0301.99.11 Để nhân giống (SEN); 0301.99.22 Cá chép khác, để nhân giống (SEN); 0301.99.23 Cá chép loại khác (SEN); 0301.99.24 Loại khác, để nhân giống; 0301.99.29 Loại khác; 0301.99.31 Cá măng biển để nhân giống (SEN)	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc để nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “*/5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 0301.99.19. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 20% của mã 0301.99.19 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N270), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Hàng hóa được nhập khẩu dưới hình thức mua bán, trao đổi của cư dân biên giới (42/2019/TT-BCT & 34/2025/TT-BCT)
Động vật, sản phẩm động vật thủy sản phải kiểm dịch (01/2024/TT-BNNPTNT M5)
Loài thủy sản XK có ĐK (01/2024/TT-BNNPTNT M7)
Động vật, sản phẩm động vật thủy sản phải kiểm dịch (01/2024/TT-BNNPTNT M5)*

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.